

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2876 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 12 năm 2012



QUYẾT ĐỊNH

**việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp
vụ Đông Xuân 2012-2013**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND, ngày 26/11/2003;

Xét đề nghị của Liên Sở: Kế hoạch và Đầu tư - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 243/TTr-LS:NNNT-KHĐT, ngày 05/12/2012, về việc đề nghị giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2012-2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2012-2013 cho các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào chỉ tiêu được giao, Giám đốc các Sở, ngành, Thủ trưởng các đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch này cho các địa phương, đơn vị trực thuộc và thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở: Nội vụ, CA tỉnh, BCH QS tỉnh;
- VPUBND tỉnh: các PCVP;
- Các phòng: TH, TCTM, NN&MT; *VC*
- Lưu: VT, NNMT. *75 09*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y DHĂM Ê NUÔL

.....

UBND HUYỆN KRÔNG NĂNG
Số:284/SY

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng NNPTNT, TCKH;
- Lãnh đạo VP;
- Chuyên viên: VP.
- Lưu HS (16 bộ).

SAO Y BẢN CHÍNH

Krông Năng, ngày 14 tháng 12 năm 2012

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Thanh Dụng



(Định kèm theo quyết định số 2876/QĐ-UBND, ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh)

KINH SÁCH SẢN XUẤT ĐỒNG XUÂN 2012 - 2013

STT	Huyện, thị Thành phố	Tổng SLLT (Tấn)	Tổng DTGT (ha)	Lúa nước			Ngô			Lang	Sắn	Rau	Đậu các loại	Thuốc lá	Cây khác
				Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)		
Toàn tỉnh		198.295	39.035	28.335	65	183.001	2.740	55,82	15.294	820	500	3.000	1.150	590	1.900
1	TP. BMT	8.110	1.595	1.080	70	7.560	100	55,00	550			300	25		90
2	Krông Ana	33.995	5.395	4.530	65	29.445	700	65,00	4.550	15		110	40		10
3	Cư Kuin	9.106	1.765	1.570	58	9.106			-			160	25		
4	Krông Pắc	32.580	5.280	4.500	70	31.500	200	54,00	1.080	30		320	130		100
5	Krông Búk	448	185	85	50	425	5	45,00	23			60	35		
6	TX Buôn Hồ	1.925	450	350	55	1.925			-			60	40		
7	Krông Bông	12.032	3.055	2.000	55	11.000	215	48,00	1.032			120	180	440	100
8	Krông Năng	4.710	1.340	600	68	4.080	150	42,00	630	110		280	50		150
9	Ea H'leo	1.125	350	250	45	1.125			-	20		80			
10	Cư M'Gar	7.570	1.260	1.100	67	7.370	40	50,00	200	10		100			10
11	Ea Súp	23.625	4.015	3.500	67	23.450	35	50,00	175	75		210	25	150	20
12	Ea Kar	22.790	4.770	2.870	66	21.965	150	55,00	825	400		600	250		500
13	Lắk	21.780	4.070	3.300	57	18.810	550	54,00	2.970	50		100	50		20
14	M'Drắk	13.225	4.150	1.700	60	10.200	550	55,00	3.025		500	200	300		900
15	Buôn Đôn	5.274	1.355	900	56	5.040	45	52,00	234	110		300			